

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HS-ST

Ngày: 22/01/2025.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Thẩm phán: Bà **Nguyễn Bích Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Quý Dân**

Bà **Dương Thị Lý Anh**

Bà **Đỗ Thị Thái**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Lê Anh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 1 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 541/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 541/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Bị cáo: Nguyễn Minh Đ - sinh năm 1956; Giới tính: Nam; Trú quán số 3/219 phố B, tổ A, phường B, quận L, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo. Không; Đảng phái, Đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn G (chết); con bà: Nguyễn Thị N (chết); Có vợ: Trần Thanh H và có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/10/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị H1 – luật sư V; Địa chỉ: Tổ B, Cụm I, Phường X, Quận T, Thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị hại

2.1. Chị Lê Thị Minh N1, sinh năm 1983; Địa chỉ: xóm B, thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).

2.2. Anh Nguyễn Văn H2 sinh năm 1980; Địa chỉ: xóm B, thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H2: ông Đỗ Văn H3 – Luật sư Công ty L2; Địa chỉ: Số A phố H phường Q, H, Hà Nội

2.3. Chị Nguyễn Thu H4, sinh năm 1984; Địa chỉ: TDP A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

2.4. Chị Nguyễn Thị N2 sinh năm 1972; Địa chỉ: T, phường X, quận B, thành phố Hà Nội, (có mặt).

2.5. Anh **Đặng Trần Q (bị hại đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan)** sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội, (có mặt).

NỘI DUNG

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, anh Đặng Trần Q làm việc tại Thanh tra xây dựng xã P, huyện G nên biết một số người đang sử dụng đất lưu không, đất lấn chiếm, đất ao muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ). Sau đó, anh Q quen Nguyễn Minh Đ thông qua các mối quan hệ xã hội, Đ nói với anh Q là mình quen biết người làm việc trong đơn vị địa chính huyện G nên có khả năng chuyển đổi đất lưu không, đất lấn chiếm, đất ao sang đất ở lâu dài rồi xin cấp Giấy CNQSDĐ cho họ, với yêu cầu họ phải đưa 1.600.000 đồng/01 m² đất được chuyển đổi, cấp Giấy CNQSDĐ. Đ trao đổi với anh Q nếu ai có nhu cầu thì sẽ thu nhiều hơn số tiền 1.600.000 đồng để hai người chiếm hưởng. Với phương thức thủ đoạn như trên Nguyễn Minh Đ đã chiếm đoạt tiền của 05 người và làm 05 Giấy CNQSDĐ giả, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Nguyễn Minh Đ có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.075.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H2 và Làm giả Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 513086 do

Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 05/6/2020, cho ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị M, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 19, địa chỉ xóm B, P, G, Hà Nội, diện tích 815 m².

Ngày 18/4/2008, gia đình anh **Nguyễn Văn H2** (có địa chỉ trên) đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy CNQSDĐ diện tích 315 m², thửa đất số 68 (4) (đứng tên trên Giấy chứng nhận là ông Nguyễn Văn C là bố anh H2) địa chỉ tại xóm B, thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội. Quá trình sử dụng thửa đất trên, gia đình anh H2 còn sử dụng khoảng 500m² đất lưu không, liền kề thửa đất của gia đình. Năm 2019, anh H2 biết anh Đặng Trần Q vì anh Q đang làm Thanh tra xây dựng xã P. Anh H2 nhờ anh Q xin cấp Giấy CNQSDĐ với diện tích là 500m². Anh Q nói với Nguyễn Minh Đ về việc anh H2 muốn xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ đổi với 500m² trên. Đ nói với anh Q là mình có người quen làm ở trong đơn vị địa chính huyện G nên làm được Giấy CNQSDĐ cho anh H2. Sau khi gặp Đ, anh Q nói với anh H2 là mình nhờ người khác làm được chuyển đổi mục đích sử dụng 500m² đất, cấp Giấy CNQSDĐ và yêu cầu anh H2 phải đưa số tiền 1.300.000.000 đồng. Anh Q yêu cầu anh H2 giao trước số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại anh H2 giao cho anh Q khi đã được cấp Giấy CNQSDĐ. Anh Q hứa sau 06 tháng anh H2 giao tiền thì anh Q giao Giấy CNQSDĐ cho anh H2. Anh H2, anh Q tin tưởng Đ nói là thật nên ngày 27/7/2019, anh H2 giao cho anh Q số tiền 250.000.000 đồng (có giấy biên nhận tiền); ngày 20/9/2019, anh H2 giao cho anh Q số tiền 50.000.000 đồng (có giấy biên nhận tiền). Đến giữa năm 2020, anh Q được Điện báo đã làm xong Giấy CNQSDĐ cho anh H2 nên anh Q yêu cầu anh H2 giao nốt số tiền 1.000.000.000 đồng như đã thỏa thuận để nhận Giấy CNQSDĐ, anh H2 tin là thật nên 03 lần chuyển tiền cho Q, cụ thể:

+ Ngày 07/5/2020, anh H2 đến ngân hàng V1 chi nhánh Đ1 ở xã N, huyện G, Hà Nội chuyển số tiền 500.000.000 đồng đến tài khoản số 15910000062352 mở tại ngân hàng B của Đặng Trần Q.

+ Ngày 25/5/2020, anh H2 đến ngân hàng V1 chi nhánh Đ1 ở xã N, huyện G, Hà Nội chuyển số tiền 400.000.000 đồng đến tài khoản số 15910000062352 mở tại ngân hàng B của Đặng Trần Q.

+ Anh H2 dùng internetbanking chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 15910000062352 mở tại ngân hàng B của Đặng Trần Q.

Tổng số tiền anh H2 chuyển cho anh Q 1.300.000.000 đồng, sau đó anh Q giao cho Đ 1.075.000.000 đồng (Giao tiền mặt nhiều lần từ ngày 27/7/2019 và không có giấy biên nhận). Sau khi Đ nhận tiền từ anh Q, Đ không thực hiện các thủ tục để cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ cho anh H2 mà thuê người đến nhà anh H2 đo diện tích đất, thuê người làm giả Giấy CNQSDĐ số BY 513086 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 05/6/2020 rồi đưa cho anh Q để anh Q giao Giấy CNQSDĐ cho anh H2 và nói phải niêm yết sau 03 đến 06 tháng thì Giấy CNQSDĐ mới có giá trị pháp lý. Khoảng 03 tháng sau anh Q nhận lại Giấy CNQSDĐ từ anh H2 rồi đưa cho Đ để làm thủ tục niêm yết. Sau khi nhận Giấy CNQSDĐ từ anh Q, Đ tự viết số vào sổ trên Giấy CNQSDĐ trên. Đến tháng 6/2022, Đ đưa lại Giấy CNQSDĐ này cho anh H2. Sau khi nhận Giấy CNQSDĐ trên anh H2 thấy một số đặc điểm trên Giấy CNQSDĐ nghi giả nên yêu cầu Đ và anh Q trả lại tiền. Do Đ và anh Q không có tiền để trả anh H2 nên anh Q viết giấy hẹn trả nợ tiền đề ngày 11/10/2022, nội dung Q thừa nhận nhận của anh H2 1.300.000.000 đồng làm 500m2 đất, nay không trả được và hẹn anh H2 đến 16 phải trả toàn bộ số tiền trên... Đến nay, Đ đã đưa anh Q 700.000.000 đồng để anh Q trả cho anh H2.

Ngày 25/3/2023, anh Nguyễn Văn H2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G trình báo vụ việc, xác nhận anh Q đã trả anh H2 700.000.000 đồng và yêu cầu Đ và anh Q trả số tiền 600.000.000 đồng, ngoài ra anh H2 giao nộp:

+ 01 giấy biên nhận tiền ngày 11/10/2022 (Q thừa nhận nhận của anh H2 1,3 tỷ đồng làm 500m2 đất nay không trả được và hẹn anh H2 đến 16 phải trả toàn bộ số tiền trên).

+ 01 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tên: Số BY 513086 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H, cấp ngày 05/6/2020 cho ông Nguyễn Văn C (sinh 1957, trú tại xóm B, xã P, huyện G, Hà Nội và Bà Ngô Thị M (sinh 1960, trú tại xóm B, xã P, huyện G, Hà Nội, Thửa đất số 187 tờ bản đồ số 19 địa chỉ xóm B, P, G, Hà Nội, Diện tích 815 m2 đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài, nguồn gốc: nhận quyền sử dụng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

+ 01 ủy nhiệm chi ngày 07/5/2020, anh H2 chuyển cho anh Q 500.000.000 đồng.

+ 01 ủy nhiệm chi ngày 25/5/2020, anh H2 chuyển cho Q 400.000.000 đồng.

Ủy ban nhân dân xã P xác định: Giấy CNQSDĐ đứng tên Nguyễn Văn C - Ngô Thị M trong vụ việc không phải do Ủy ban nhân dân xã P tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu (theo quy định hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu buộc phải nộp tại Ủy ban nhân dân xã).

Kiểm tra thông tin về số thửa đất, số tờ bản đồ tại các Giấy CNQSDĐ này xác định:

Tờ bản đồ số 19 là tờ bản đồ thổ canh, chưa được nghiệm thu nên không được sử dụng để cấp Giấy CNQSDĐ. Thửa đất số 187 có diện tích 431m² đều là đất trồng lúa thuộc thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội.

Kiểm tra hiện trạng đang sử dụng tại thực địa xác định: Hiện gia đình ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị M đang sử dụng phân đất diện tích 315m² được cấp theo Giấy CNQSDĐ số AI113681 ngày 18/4/2008 tại thửa đất số 68(4), tờ bản đồ Phù Đồng 6, ngoài ra còn sử dụng một phần đất nông nghiệp công ích do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Bản Kết luận giám định số 4733/KL-KTHS ngày 17/7/2023 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận: Giấy CNQSDĐ số BY 513086 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H, cấp ngày 05/6/2020 cho ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị M, thửa đất số 187 tờ bản đồ số 19 địa chỉ xóm B, P, G, Hà Nội, diện tích 815 m² đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài, nguồn gốc: nhận quyền sử dụng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất **là giả**.

Vụ thứ 2: Nguyễn Minh Đ có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.075.000.000 đồng của chị Lê Thị Minh N1 và Làm giả Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 503189 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố H cấp ngày 05/6/2020 cho ông Nguyễn Quốc C1 và bà Lê Thị Minh N1, tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 19, địa chỉ xóm B, P, G, Hà Nội, diện tích 877m².

Chị **Lê Thị Minh N1** (sinh năm 1983, trú tại xóm B, thôn P, xã P, G, Hà Nội) cùng gia đình đang sử dụng mảnh đất diện tích 377 m² thuộc xóm B, thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội. Diện tích đất này và diện tích 500m² chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Qua anh Nguyễn Văn H2 (anh trai chồng) nên chị N1 biết và nhờ anh Đặng Trần Q xin cấp Giấy CNQSDĐ với toàn bộ diện tích là 877m². Anh Q nói với Nguyễn Minh Đ về việc chị N1 muốn xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ trên. Đ nói với anh Q là mình có người quen làm ở trong đơn vị địa chính huyện G nên làm được Giấy CNQSDĐ cho chị N1. Sau khi gặp Đ, anh Q nói với chị N1 là nhờ người khác làm được chuyển đổi mục đích sử dụng 877m² đất, cấp Giấy CNQSDĐ và yêu cầu chị N1 phải đưa số tiền 1.300.000.000 đồng. Anh Q yêu cầu chị N1 giao trước số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại chị N1 giao cho anh Q khi đã được cấp Giấy CNQSDĐ. Anh Q hứa sau 06 tháng chị N1 giao tiền thì anh Q giao Giấy CNQSDĐ cho chị N1. Chị N1, anh Q tin tưởng Đ nói là thật nên ngày 27/7/2019, chị N1 giao cho anh Q số tiền 250.000.000 đồng (có giấy biên nhận tiền); ngày 07/10/2019, chị N1 giao cho anh Q số tiền 50.000.000 đồng (có giấy biên nhận tiền). Ngoài ra, khoảng đầu năm 2020, chị N1 giao nhiều lần tiền mặt cho anh Q (không xác định số tiền giao từng lần, thời gian và không viết giấy biên nhận). Tổng số tiền anh Q nhận của chị N1 là 1.300.000.000 đồng, sau đó anh Q giao cho Đ 1.075.000.000 đồng (Giao tiền mặt nhiều lần từ ngày 27/7/2029 và không có giấy biên nhận). Sau khi Đ nhận tiền từ anh Q, Đ không thực hiện các thủ tục để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ cho chị N1 mà thuê người đến nhà chị N1 đo diện tích đất, thuê người làm giả Giấy CNQSDĐ số BY 503189 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố H cấp ngày 05/6/2020 cho ông Nguyễn Quốc C1 và bà Lê Thị Minh N1, tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 19, địa chỉ xóm B, P, G, Hà Nội, diện tích 877m² rồi đưa cho anh Q và nói Giấy CNQSDĐ này phải niêm yết, sau 03 đến 06 tháng mới có giá trị pháp lý. Sau đó, anh Q giao Giấy CNQSDĐ này cho chị N1. Khoảng 03 tháng sau anh Q nhận lại Giấy CNQSDĐ từ chị N1 rồi đưa cho Đ để làm thủ tục niêm yết. Sau khi nhận Giấy CNQSDĐ từ anh Q, Đ tự viết số vào sổ trên Giấy CNQSDĐ trên. Khoảng tháng 6/2022, Đ đưa lại Giấy CNQSDĐ này cho chị N1. Sau khi nhận Giấy CNQSDĐ, chị N1 phát hiện Giấy CNQSDĐ là giả nên yêu cầu Đ và anh Q trả lại tiền. Do Đ và anh

Q không có tiền để trả nên chị N1 yêu cầu anh Q viết giấy hẹn trả nợ tiền, nội dung anh Q nhận làm sổ đỏ 877m² cho vợ chồng chị N1 với giá 1.300.000.000 đồng, đã nhận đủ tiền, chưa làm được sổ, hẹn đến ngày 10/9/2022, anh Q sẽ trả lại đủ 1.300.000.000 đồng cho chị N1. Đến nay, Đ đã đưa anh Q 700.000.000 đồng để anh Q trả cho chị N1.

Ngày 25/3/2023, chị Lê Thị Minh N1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G trình báo vụ việc, xác nhận anh Q đã trả chị N1 700.000.000 đồng và yêu cầu Đ và anh Q trả số tiền 600.000.000 đồng, ngoài ra chị N1 giao nộp:

- 02 giấy biên nhận tiền đề ngày 27/02/2019 và ngày 07/10/2019;
- 01 giấy hẹn trả nợ tiền nội dung thể hiện Đặng Trần Q nhận làm sổ đỏ cho Nguyễn Quốc C1 với số m² là 877m², giá thỏa thuận là 1 tỷ 300 triệu đồng chẵn, đã nhận đủ tiền năm 2020;
- 01 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BY 503189 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố H cấp ngày 05/6/2020 cho ông Nguyễn Quốc C1 và bà Lê Thị Minh N1 tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 19, địa chỉ xóm B, P, G, Hà Nội, diện tích 877 m² đất ở nông thôn.

Ủy ban nhân dân xã P xác định:

Giấy CNQSDĐ đứng tên Nguyễn Quốc C1 - Lê Thị Minh N1 trong vụ việc đều không phải do Ủy ban nhân dân xã P tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu (theo quy định hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu buộc phải nộp tại Ủy ban nhân dân xã).

Kiểm tra thông tin về số thửa đất, số tờ bản đồ tại các Giấy CNQSDĐ này xác định: Tờ bản đồ số 19 là tờ bản đồ thổ canh, chưa được nghiệm thu nên không được sử dụng để cấp Giấy CNQSDĐ. Thửa đất số 187 có diện tích 431m² đều là đất trồng lúa thuộc thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội.

Kiểm tra hiện trạng đang sử dụng tại thực địa xác định: Hiện gia đình anh Nguyễn Quốc C1 và chị Lê Thị Minh N1 đang sử dụng thửa đất số 71, tờ bản đồ Phù Đồng 6 diện tích 216m² (tờ bản đồ không thể hiện công trình trên đất, không có sổ lập kèm theo nên không khẳng định được nguồn gốc sử dụng), chưa được cấp Giấy CNQSDĐ, ngoài ra còn sử dụng một phần đất công do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Bản Kết luận giám định số 4733/KL-KTHS của Phòng K Công an thành phố H ngày 17/7/2023 kết luận:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 503189 mang tên Nguyễn Quốc C1 và Lê Thị Minh N1 cấp ngày 05/6/2020 là giả.

Vụ thứ 3: Nguyễn Minh Đ có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.100.000.000 đồng của chị Nguyễn Thu H4 và Làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY890318 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố H cấp ngày 30/4/2022 cho bà Phạm Hoa Q1, thửa đất 235 tờ bản đồ số 35 xóm D, P, huyện G, Hà Nội.

Cuối năm 2020, chị **Nguyễn Thu H4** (sinh năm 1984) và chồng là anh **Hoàng Ngọc D** (sinh năm 1976, trú tại TDP A, thị trấn T, huyện H, Bắc Giang) mua 400m² đất ao của anh **Nguyễn Đức T** tại thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội với số tiền 2.320.000.000 đồng, diện tích đất này chưa được cấp Giấy CNQSDĐ (việc mua bán chỉ có giấy tờ viết tay). Thông qua anh **Đào Xuân H5** (sinh năm 1995, trú tại thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội) nên chị H4 biết anh **Đào Xuân T1** (sinh năm 1983, trú tại xóm D, xã P, huyện G, Hà Nội). Chị H4 nhờ anh T1 làm thủ tục để được cấp Giấy CNQSDĐ đối với mảnh đất đã mua của anh T, anh T1 trả lời mình không làm được nhưng sẽ đi nhờ người khác làm giúp. Anh T1 biết anh **Đặng Trần Q** đang làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho người khác nên anh T1 nhờ anh Q làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ cho chị H4.

Anh Q nói với **Nguyễn Minh Đ** về việc anh T1 muốn xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ đối với 400m² trên. Điền văn khẳng định với anh Q là mình có người quen làm ở trong đơn vị địa chính huyện G nên làm được Giấy CNQSDĐ cho anh T1. Sau khi gặp Đ, anh Q nói với anh T1 là nhờ người khác làm được chuyển đổi mục đích sử dụng 400m² đất, cấp Giấy CNQSDĐ và yêu cầu anh T1 phải đưa số tiền 1.720.000.000 đồng. Anh Q yêu cầu anh T1 giao trước số tiền 1.100.000.000 đồng, số tiền còn lại anh T1 giao cho anh Q khi đã được cấp Giấy CNQSDĐ. Anh Q hứa sau 02 tháng anh T1 giao tiền thì anh Q giao Giấy CNQSDĐ cho anh T1. Sau đó, anh T1 nói với chị H4 là có người giúp làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ (không nói cụ thể cá nhân nào), họ bảo chỉ phí làm Giấy CNQSDĐ hết

1.720.000.000 đồng, trước mắt giao 1.100.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào có Giấy CNQSDĐ sẽ giao nốt, trong 02 tháng sẽ giao Giấy CNQSDĐ cho chị H4. Chị H4 tin tưởng anh T1 nói nhờ người khác cấp Giấy CNQSDĐ cho mình là thật nên từ cuối năm 2020 đến đầu năm 2021, chị H4 giao cho anh T1 tiền mặt nhiều lần với tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng (không có giấy giao nhận tiền), chị H4 gửi thông tin gồm căn cước công dân, sổ hộ khẩu của người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chị Phạm Hoa Q1 (sinh năm 1983, trú tại căn C K, phường N, quận L, Hà Nội - chị H4 nhờ chị Q1 đứng tên Giấy CNQSDĐ giúp) cho anh T1. Sau khi nhận tiền và thông tin người đứng tên trên Giấy CNQSDĐ của chị H4, anh T1 chuyển cho anh Q, sau đó anh Q chuyển thông tin người được cấp Giấy CNQSDĐ và số tiền 1.100.000.000 đồng (chuyển tiền nhiều lần và không có giấy giao nhận) cho Nguyễn Minh Đ. Đã quá 02 tháng, anh T1 không giao Giấy CNQSDĐ cho chị H4, chị H4 được anh T1 nói nhờ anh Q làm Giấy CNQSDĐ cho chị H4. Sau đó, chị H4 gặp anh Q tại nhà anh T1, tại đây anh Q thừa nhận là mình nhận tiền để xin cấp Giấy CNQSDĐ cho chị H4 từ anh T1 nên có trách nhiệm giao Giấy CNQSDĐ cho chị H4. Việc cấp Giấy CNQSDĐ cho chị H4, Q nhờ và giao tiền cho Nguyễn Minh Đ. Sau đó, Q và anh T1 cùng ký vào giấy thỏa thuận đề ngày 04/11/2021, thể hiện Q, anh T1 hẹn chị H4 trong vòng 90 ngày kể từ 01/11/2021 sẽ trả Giấy CNQSDĐ cho chị H4, khi nhận Giấy CNQSDĐ thì chị H4 giao cho anh T1 và anh Q số tiền 770.000.000 đồng.

Khoảng tháng 6/2022, Đ giao Giấy CNQSDĐ số BY890318 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố H, cấp ngày 30/4/2022, cho thửa đất 235 tờ bản đồ số 35 xóm D, Phù đồng A, huyện G, Hà Nội mang tên Phạm Hoa Q1 cho Q. Ngày 23/6/2022, tại nhà anh T1, anh Q giao Giấy CNQSDĐ số BY890318 trên cho chị H4. Chị H4 mang Giấy CNQSDĐ trên đến Ủy ban nhân dân xã P hỏi thì được biết mảnh đất của chị H4 chưa có thông tin cấp sổ.

Ngày 30/8/2022, chị Nguyễn Thị H6 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G trình báo sự việc và yêu cầu Nguyễn Minh Đ và anh Đặng Trần Q trả số tiền 1.100.000.000 đồng. Hiện Điện đã đưa anh Q số tiền 1.100.000.000 đồng để anh Q trả cho chị H6. Chị H6 đã nhận lại tiền, không yêu cầu bồi thường gì khác, ngoài ra

chị H6 giao nộp Giấy thỏa thuận đề ngày 04/11/2021 giữa chị H6 với anh Q và anh T1.

Bản Kết luận giám định số 4866/KL-KTHS của Phòng K Công an thành phố H ngày 24/7/2023 kết luận:

Chữ ký dạng chữ viết "Thuận", chữ viết dòng họ tên Đào Xuân T1 dưới chữ ký trên "Giấy thỏa thuận" bên nhận chuyển nhượng: Nguyễn Thu H4, bên nhận làm dịch vụ: Đặng Trần Q và Đào Xuân T1, đề ngày 04/11/2021 và Tài liệu có nội dung: "Hôm nay ngày 17/7/2021 ... Đào Xuân T1" là chữ viết, chữ ký của Đào Xuân T1.

Bản Kết luận giám định số 8800/KL-KTHS của Phòng K Công an thành phố H ngày 30/12/2022 kết luận:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 890318, người sử dụng, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Phạm Hoa Q1 cấp ngày 30/4/2022 *là giả*.

Vụ thứ 4: Nguyễn Minh Đ có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của anh Đặng Trần Q và Làm giả Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 933182 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố H cấp ngày 10/5/2020 cho ông Đặng Trần Q, tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 35, địa chỉ xóm D, thôn P, huyện G, Hà Nội, diện tích 99,0 m2.

Cuối năm 2019, anh **Đặng Trần Q** (sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, Hà Nội) mua 99m2 đất ao, của anh Nguyễn Văn H7 (sinh năm 1967, trú tại xóm D, thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội) với số tiền 200.000.000 đồng, diện tích đất này chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Thông qua mối quan hệ xã hội nên anh Q biết Nguyễn Minh Đ, do tin tưởng Đ quen biết người làm trong đơn vị địa chính huyện G là thật và đang xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin cấp Giấy CNQSDĐ cho người khác nên anh Q đưa thông tin cá nhân mình và số tiền 200.000.000 đồng để Đ làm chuyển đổi mục đích sử dụng đất 99m2 và cấp Giấy CNQSDĐ đã mua của anh H7. Sau khi Đ nhận tiền từ anh Q, Đ không thực hiện việc các thủ tục để cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy CNQSDĐ cho anh Q mà thuê người làm giả Giấy CNQSDĐ số BY 513086 mang tên ông Nguyễn Văn C Sau khi nhận tiền và thông tin

người đứng tên trên Giấy CNQSDĐ từ anh Q, Đ không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ mà thuê người làm Giấy CNQSDĐ số CS 933182 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố H cấp ngày 10/5/2020 cho ông Đặng Trần Q, tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 35, địa chỉ xóm D, thôn P, huyện G, Hà Nội, Diện tích 99,0 m².

Khoảng tháng 7/2020, Nguyễn Minh Đ giao Giấy CNQSDĐ trên cho anh Q và nói sau 03 tháng đưa lại Giấy CNQSDĐ để bổ sung thông tin thì Giấy CNQSDĐ mới có giá trị pháp lý. Khoảng 03 tháng sau anh Q đưa lại Giấy CNQSDĐ cho Đ để làm thủ tục niêm yết. Sau khi nhận Giấy CNQSDĐ từ anh Q, Đ tự viết số vào sổ trên Giấy CNQSDĐ trên rồi giao lại Giấy CNQSDĐ cho anh Q, anh Q cất Giấy CNQSDĐ mà không biết là giả.

Sau khi chị Nguyễn Thu H4, anh Nguyễn Văn H2 và chị Lê Thị Minh N1 biết Giấy CNQSDĐ do anh Đặng Trần Q đưa là giả. Thấy vậy, Q nhờ người quen kiểm tra Giấy CNQSDĐ đứng tên mình do Đ đưa cũng là giả. Nên ngày 06/9/2022, tại nhà anh H2, anh Q yêu cầu Đ viết Giấy biên nhận thể hiện Đ đã nhận đủ 3.150.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10/9/2022, trả lại đủ cho anh Q, Giấy biên nhận có ông Nguyễn Văn C ký làm chứng.

Khi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G để khai báo vụ việc, anh Đặng Trần Q giao nộp Giấy CNQSDĐ số CS 933182 mang tên Đặng Trần Q do Đ giao để cơ quan điều tra giải quyết, anh Q xác nhận đã nhận số tiền 200.000.000 đồng do Đ trả.

Ủy ban nhân dân xã P xác định: Giấy CNQSDĐ đứng tên Đặng Trần Q trong vụ việc đều không phải do Ủy ban nhân dân xã P tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu (theo quy định hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu buộc phải nộp tại Ủy ban nhân dân xã).

Kiểm tra thông tin về số thửa đất, số tờ bản đồ tại các Giấy CNQSDĐ này xác định: Tờ bản đồ số 35 là tờ bản đồ thổ canh, chưa được nghiệm thu nên cũng không được sử dụng để cấp Giấy CNQSDĐ; tại tờ bản đồ này không có thửa đất số 126.

Kiểm tra hiện trạng đang sử dụng tại thực địa xác định: Mảnh đất 99m² của anh Đặng Trần Q là một phần của thửa đất 16 tờ bản đồ Xóm Trại, toàn bộ thửa đất này có nguồn gốc là ao công, tổng diện tích 966m², không được cấp Giấy CNQSDĐ.

Bản Kết luận giám định số 4733/KL-KTHS của Phòng K Công an thành phố H ngày 17/7/2023 kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 933182 mang tên Đặng Trần Q **là giả**.

Bản Kết luận giám định số 4866/KL-KTHS của Phòng K Công an thành phố H ngày 24/7/2023 kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đặng Trần Q dưới chữ ký trên "Giấy biên nhận" người đưa tiền: Đặng Trần Q, người nhận tiền: Nguyễn Minh Đ, đề ngày 6/9/2022 **là chữ ký, chữ viết của Đặng Trần Q**.

2. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Minh Đ dưới chữ ký trên "Giấy biên nhận" người đưa tiền: Đặng Trần Q, người nhận tiền: Nguyễn Minh Đ, đề ngày 6/9/2022 **là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Minh Đ**.

Vụ thứ 5: Nguyễn Minh Đ có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 2.025.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị N2 và Làm giả Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ703106 mang tên bà Nguyễn Thị N2, tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 13, địa chỉ xóm M, phố T, phường T, quận L, Hà Nội, diện tích 107,64 m² do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố H cấp ngày 30/5/2022.

Khoảng tháng 3/2021, thông qua các mối quan hệ xã hội nên chị **Nguyễn Thị N2** (sinh năm 1972, trú tại T, phường X, quận B, Hà Nội) quen biết Nguyễn Minh Đ. Đ giới thiệu với chị N2 là “*Hiện tại vợ bỏ đi theo trai một mình gà trống nuôi con*” nên đặt mối quan hệ tình cảm với chị N2. Ngày 23/11/2021, chị N2 bán căn nhà tại địa chỉ T, phường X, quận B, Hà Nội để mua nhà khác nhỏ hơn và trả nợ. Thấy vậy, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị N2 nên nói dối mình quen biết ở quận L nên mua được đất nông nghiệp rồi chuyển đổi sang đất thổ cư cho chị N2. Để chị N2 tin tưởng, Đ đưa đi xem mảnh đất tại phường T, quận L, Hà Nội. Do tin tưởng Đ mua hộ đất cho mình là thật nên ngày 23/12/2021, chị N2 chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng từ tài khoản số 2280156868888 mang tên Nguyễn Thị N2 mở tại ngân hàng M1

đến tài khoản số 19024035070866 mang tên Nguyễn Minh Đ mở tại ngân hàng T4 (sau đó Đ viết giấy nhận số tiền 1.000.000.000 đồng của chị N2). Tiếp đó, Đ yêu cầu chị N2 chuyển tiền nên ngày 21/01/2022 chị N2 đã thực hiện 02 giao dịch chuyển khoản số tiền 500.000.000 đồng từ tài khoản số 2280156868888 mang tên Nguyễn Thị N2 mở tại ngân hàng M1 đến tài khoản số 19024035070866 mang tên Nguyễn Minh Đ mở tại ngân hàng T4. Tiếp đó Đ bảo chị N2 chuyển tiền để làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ nên vào các ngày 12/4/2022; 12/7/2022 chị N2 thực hiện 02 giao dịch chuyển số tiền 330.000.000 đồng cho Đ; ngày 25/8/2022 chị N2 thực hiện chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng cho Đ và ngày 18/7/2023 chị N2 thực hiện giao dịch chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho Đ, ngoài ra chị N2 chuyển cho Đ 45.000.000 đồng tiền mặt (không có giấy giao nhận tiền), Tổng số tiền chị N2 giao cho Đ 2.025.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của chị N2, Đ không thực hiện việc mua đất và xin cấp Giấy CNQSDĐ cho chị N2 mà chi tiêu hết số tiền đã nhận rồi thuê người làm giả Giấy CNQSDĐ số ĐĐ703106 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố H cấp ngày 30/5/2022 cho bà Nguyễn Thị N2, tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 13, địa chỉ xóm M, phố T, phường T, quận L, Hà Nội, diện tích 107,64 m². Sau đó, Đ giao chị N2 Giấy CNQSDĐ trên và nói sau 6 tháng sổ đỏ này mới sử dụng được. Quá 06 tháng, chị N2 yêu cầu Đ cho đi xem vị trí thửa đất nhưng Đ không đưa chị N2 đi xem, nghi ngờ Đ đã lừa mình nên chị N2 mang Giấy CNQSDĐ trên đến Ủy ban nhân dân quận L hỏi thì được biết đó là Giấy CNQSDĐ là giả. Thấy vậy, chị N2 báo cho Đ biết thì Đ bảo chị N2 đưa lại Giấy CNQSDĐ để làm lại. Do Đ không mua đất như đã hứa và không trả lại tiền cho chị N2 nên chị N2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H trình báo nội dung vụ việc và yêu cầu Đ bồi thường số tiền 2.025.000.000 đồng, ngoài ra chị N2 giao nộp Giấy biên nhận tiền đề ngày 23/12/2021 và Giấy CNQSDĐ mà Đ giao cho chị N2 (bản photocopy), bản sao kê tài khoản ngân hàng Q3 xác định ngày và số tiền chị N2 chuyển khoản cho Nguyễn Minh Đ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Minh Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên, Giấy CNQSDĐ lấy lại từ chị N2, Đ đã hủy. Điền khai chỉ nhận 1.900.000.000 đồng để mua đất cho chị N2, còn 125.000.000 đồng là Điền vay của chị N2 và đã trả chị N2 số tiền này.

Theo văn bản số 109/BC-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân phường T xác định:

- Không có chủ sử dụng đất tên Nguyễn Thị N2 (sinh năm 1972, trú tại T, phường X, quận B, Hà Nội).

- Trên địa bàn phường T không có “Tờ bản đồ số 13, địa chỉ xóm M, phố T”.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Minh Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo Đ chỉ nói với anh Q là mình có quan hệ với người làm việc tại địa chính huyện G, không bàn bạc với Q nói dối với người bị hại để chiếm đoạt tiền của họ. Đ khai biết anh Nguyễn Thành L nhà ở Y, huyện G vì anh L làm môi giới bất động sản, sau khi nhận tiền từ anh Q, Đ đưa cho anh L, sau đó anh L đưa Giấy CNQSDĐ cho Đ để Đ đưa cho anh Q.

Xác định số tiền Bị cáo Nguyễn Minh Đ và anh Đặng Trần Q nhận và chưa trả cho người bị hại:

Tổng số tiền anh Đặng Xuân Q2 nhận của chị Lê Thị Minh N1, anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thu H4 là 4.000.000.000 đồng, anh Q2 đưa tiền mặt cho Đ nhiều lần với tổng số tiền là 3.150.000.000 đồng, còn 850.000.000 đồng là tiền anh Q2 tự yêu cầu người bị hại đưa tiền để hưởng lời. Ngày 30/8/2022, chị Nguyễn Thu H4 phát hiện Giấy CNQSDĐ do anh Q2 đưa là giả nên làm đơn tố cáo thì Nguyễn Minh Đ đã trả lại toàn bộ số tiền 3.150.000.000 đồng đã nhận từ anh Q2. Anh Q2 trả lại cho chị Nguyễn Thu H4 là 1.100.000.000 đồng, anh Đào Xuân T1 300.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H2 700.000.000 đồng, chị Lê Thị Minh N1 700.000.000 đồng, còn lại 350.000.000 đồng anh Q2 chi tiêu cá nhân hết. Hiện tại, anh H2 yêu cầu bồi thường 600.000.000 đồng, chị N1 yêu cầu bồi thường 600.000.000 đồng và chị N2 yêu cầu bồi thường 2.025.000.000 đồng.

1. Đối với anh **Nguyễn Thành L** sinh năm 1970, trú tại thị trấn Y, huyện G, Hà Nội)

Bị cáo Nguyễn Minh Đ khai sau khi nhận tiền và thông tin người xin cấp Giấy CNQSDĐ, Đ đưa tiền và nhờ anh Nguyễn Thành L (làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin cấp Giấy CNQSDĐ cho anh H2, chị N1, chị H2, anh Q2 và chị N2. Ngoài ra, Đ không biết thông tin khác về anh L.

Quá trình điều tra, xác minh về anh Nguyễn Thành L không xác định được đối tượng Nguyễn Thành L như Bị cáo Nguyễn Minh Đ khai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không có căn cứ xác minh, làm rõ để xử lý.

2. Đối với anh **Đào Xuân T1**: Anh T1 được chị Nguyễn Thu H4 nhờ làm Giấy CNQSDĐ, do tin tưởng anh Q2 nên anh T1 nhờ anh Q2 làm giúp chị H4. Tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án không có căn cứ xác định anh Q2 hoặc Bị cáo Đ bàn bạc với anh T1 để chiếm đoạt tiền của chị H4, anh T1 không được hưởng lợi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không đề cập xử lý là có căn cứ.

3. Đối với anh **Đặng Trần Q**: Do tin tưởng Đ có khả năng xin cấp được Giấy CNQSDĐ là thật nên anh Q đã nhận tiền của chị H4, anh T1 (chị H4), chị N1 rồi chuyển cho Đ. Sau khi thỏa thuận về số tiền nhận từ anh T1, chị N1 và anh H4, Q báo tăng số tiền lên với các bị hại trên để hưởng lợi và dùng một phần số tiền đó để mua phần diện tích đất ao, sau đó cũng đưa tiền nhờ Đ xin cấp Giấy CNQSDĐ. Anh Q không biết Đ làm cách nào để xin cấp được sổ đỏ cho đất hoang hóa, không bàn bạc, thỏa thuận chiếm đoạt tài sản của các anh H4, chị N1 và chị H4 với Đ. Bản thân Q cũng tin tưởng và đưa tiền để nhờ Đ xin cấp Giấy CNQSDĐ, Q không biết việc Đ làm sổ đỏ giả để chiếm đoạt tiền của người khác.

Ngày 30/7/2024 Tòa án nhân dân TP. Hà Nội đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để điều tra truy tố đối với Đặng Trần Q, tuy nhiên tại Công văn số 2352/VKS-P3 ngày 02/10/2024, VKSND thành phố Hà Nội giữ nguyên **Cáo trạng và nhận định không đủ căn cứ xác định Đặng Trần Q đồng phạm với bị cáo Đ. Căn cứ Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự về giới hạn xét xử nên Hội đồng xét xử chỉ xét xử đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ.**

Cáo trạng số: 307/CT-VKS-P3 ngày 25/ 6 /2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ về **tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** và tội “*Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức*”, theo Điểm a, Khoản 4, Điều 174 và Điểm c, Khoản 2, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội như khai tại cơ quan điều tra.

Bị hại có mặt giữ nguyên lời khai đã trình bày tại cơ quan điều tra, chị N2 yêu cầu bị cáo bồi thường 1.525.000.000 đồng. Anh Đặng Trần Q trả cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền 600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm c, khoản 2 Điều 341; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tội danh: Bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. và tội “*Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức*”

Hình phạt: Phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ từ 7 đến 8 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, tổng hợp hình phạt của 2 tội bị cáo phải chấp hành là 8 năm đến 9 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N2 số tiền 1.525.000.000 đồng.

Anh Đặng Trần Q trả cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền 600.000.000 đồng và trả cho chị Lê Thị Minh N1 số tiền 600.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đ có ý kiến: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại, nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, bị cáo năm nay 69 tuổi, hiện tại đang bị bệnh xương khớp đi lại khó khăn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án nhẹ hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Văn H2 có ý kiến: Đề nghị xem xét vai trò của Q là người giúp sức đắc lực cho Đ, Q cũng là người được hưởng lợi trong vụ án do vậy có dấu hiệu Đặng Trần Q đồng phạm với bị cáo Đ, việc xử lý Đặng Trần Q thuộc thẩm quyền Hội đồng xét xử. Đối với trách nhiệm dân sự, Q cam kết trả cho anh H2, chị N1 mỗi người 600 triệu đồng nên anh Q có trách nhiệm hoàn trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và hình phạt áp dụng với các bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích chiếm đoạt tiền của những người đang sử dụng đất lưu không, đất lấn chiếm, đất ao muốn xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Đ nói dối với mọi người là mình quen biết người làm việc trong đơn vị địa chính huyện G, nên có khả năng chuyển đổi đất lưu không, đất lấn chiếm, đất ao chuyển đổi sang đất ở lâu dài rồi xin cấp Giấy CNQSDĐ cho họ, với yêu cầu họ phải đưa 1.600.000 đồng/01 m² đất được chuyển đổi, cấp Giấy CNQSDĐ. Điền trao đổi với anh Q là thu nhiều hơn số tiền 1.600.000 đồng để hai người chiếm hưởng. Với phương thức thủ đoạn như trên, từ ngày 27/7/2019 đến ngày 18/7/2023, Nguyễn Minh Đ đã chiếm đoạt tiền của 05 người với tổng số tiền 5.445.000.000 đồng (của anh Nguyễn Văn H2 1.075.000.000 đồng, chị Lê Thị Minh N1 1.075.000.000 đồng, chị Nguyễn Thu H4 1.100.000.000 đồng, anh Đặng Trần Q 200.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị N2 2.025.000.000 đồng) và làm giả 05 Giấy CNQSDĐ do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố H cấp.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác và xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức, trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, các giấy tờ tài liệu, gây mất trật tự ổn định xã hội, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tổ chức. Bị cáo là người

trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức*”, theo Điểm a, Khoản 4, Điều 174 và Điểm c, Khoản 2, Điều 341 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo ra trước phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[2.2] Hình phạt:

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét:

Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Bị cáo một mình thực hiện hành vi phạm tội với thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối không đúng sự thật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác nhằm với mục đích chiếm đoạt tài sản của các bị hại; ngoài ra bị cáo thuê người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức, trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, các giấy tờ tài liệu. Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt của 05 bị hại với số tiền tổng số tiền 5.445.000.000 đồng đến nay bị cáo đã trả lại tiền cho các bị hại 2/3 số tiền chiếm đoạt nên hậu quả do hành vi phạm tội đã giảm tối đa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 2 lần trở lên.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã bồi thường cho bị hại trên 2/3 số tiền chiếm đoạt, bị cáo lần đầu phạm tội nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, hiện bị cáo tuổi cao bị bệnh xương khớp vận động khó khăn nên được áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Bị cáo chiếm đoạt của các bị hại đến nay khắc phục bồi thường phần lớn thiệt hại. Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, trong đó thiệt hại đã được khắc phục phần lớn nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt.

Bị cáo phạm 2 tội nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt từng tội sau đó tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự.

[2.2] Các vấn đề khác:

Về nghĩa vụ hoàn trả: Bị cáo còn phải trả lại chị Nguyễn Thị N2 số tiền 1.525.000.000 đồng. Đối với Đặng Trần Q nhận tiền của chị Lê Thị Minh N1, anh Nguyễn Văn H2 để đưa cho bị cáo Đ, quá trình điều tra bị cáo Đ đã trả Q nhưng Q chưa trả anh H2 chị N1 nên Đặng Trần Q phải có nghĩa vụ trả tiền cho anh H2 và chị N1 mỗi người 600.000.000 đồng

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội và bồi thường dân sự nên phải chịu án phí, anh Q có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại nên phải chịu án phí phân trách nhiệm dân sự theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] **Căn cứ:** Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm c khoản 2 Điều 341; Điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

[2] **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

Phạt: bị cáo Nguyễn Minh Đ 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, và 02 năm tù về tội “*Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức*”, tổng hợp hình phạt chung 2 tội là 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2023.

[3] **Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật hình sự

Bị cáo Nguyễn Minh Đ trả cho chị Nguyễn Thị N2 số tiền 1.525.000.000 đồng. Đặng Trần Q phải trả chị Lê Thị Minh N1 và anh Nguyễn Văn H2 mỗi người 600.000.000 đồng.

Kể từ ngày người bị hại, có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 57.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đặng Trần Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 48.000.000 đồng.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P2);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Thu Thủy

